

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Đinh Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp Ngãi Ch, xã Ngãi H, huyện T, tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp An C, xã Tân H, huyện T, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Vào ngày 16/12/2012 chị với anh Nguyễn Minh T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên chị không thể tiếp tục sinh sống với anh T được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn Minh T, sinh ngày 30/06/2013, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 13/10/2020 anh Nguyễn Minh T trình bày:

Thông nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim H về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, nay anh cũng đồng ý ly hôn với vợ anh, nhưng anh yêu cầu được tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

Tại bản tự khai ngày 05/10/2020 cháu Nguyễn Văn Minh T trình bày: nếu cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Văn Minh T (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính)

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Minh T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Minh T thống nhất giao con chung tên Nguyễn Văn Minh T, sinh ngày 30/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Minh T thống nhất khai không có

Những tình tiết các bên không thống nhất: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh T

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Minh T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện T, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, nếu vợ chồng có đoàn tụ thì vợ chồng sống chung cũng không có hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu được ly hôn anh T cũng đồng ý, việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Chị H và anh T thống nhất giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh T thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Nguyễn Minh T không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H với anh Nguyễn Minh T

2. *Về con chung*: chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Minh T, sinh ngày 30/6/2013 là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Minh T thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu tiền số 0002891 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Nguyễn Minh T không phải chịu án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Thị Thu Hiền

